TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/KDTM-ST
Ngày: 28-8-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm
2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2– Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1148/2025/QĐXXST–KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 2013/2025/QĐST–KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (E)

Địa chỉ trụ sở chính: tầng 8, văn phòng số L+16, Tòa nhà V, G L, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn S, ông Nguyễn Hoàng Minh T, bà Nguyễn Thị Hoàng Y

(Văn bản ủy quyền số 01/2025 ngày 01/7/2025)

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở: số C đường D, khu dân cư K, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: số I đường A, khu phố D, phường P, thành phố T, (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đàm Thị Phượng M, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: số B chung cư P, ấp C, xã P (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981

Ông Vũ Xuân H1, sinh năm: 1973

Cùng đia chỉ: số C đường D, khu dân cư K, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (E) có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng Minh T, bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:

Ngày 31/10/2022, Công ty cổ phần Đ (Công ty Đ) đã ký với E Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403. Thực hiện Hợp đồng tín dụng E giải ngân và Công ty Đ đã nhận nợ theo khế ước 1403-LDS-230000658 ngày 16/10/2023, cụ thể như sau: Số tiền vay: 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng), Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 16/10/2023 đến ngày 16/10/2024, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, thanh toán tiền hàng. Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ gốc và toàn bộ nợ lãi của bên vay, bà Đàm Thị Phượng M đã thế chấp tài sản là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 21, tại khu phố B, phường H, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 528500, số vào sổ cấp GCN: CS 01484 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/01/2019 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 22/2022/EIBQ7-KHDNTSTC ngày 28/10/2022 được Phòng C Tỉnh Bình Thuận chứng nhận số công chứng 4371, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/10/2022.

Đồng thời, Ngày 20/12/2022, Công ty Đ đã ký với E Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân với tổng hạn mức 150.000.000 đồng, không có tài sản đảm bảo. Theo đó, E đã cấp thẻ tín dụng cho khách hàng với các thanh viên Công ty đúng tên chủ thẻ, cụ thể như sau:

- Thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Loại thẻ: Mastercard B. Thời hạn hiệu lực thẻ: 36 tháng.

- Thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho ông Vũ Xuân H1. Loại thẻ: Mastercard B. Thời hạn hiệu lực thẻ: 36 tháng

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, E khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 26/8/2025 theo Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 31/10/2022 số tiền 3.556.288.333 đồng trong đó nợ gốc 2.999.999.929 đồng, lãi trong hạn 25.743.770 đồng, lãi quá hạn 526.956.147 đồng, lãi phạt chậm trả 3.588.487 đồng

Trường hợp Công ty Đ không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì E có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 209, tờ bản đồ số 21, tại khu phố B, phường H, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 528500, số vào sổ cấp GCN: CS 01484 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/01/2019 đứng tên bà Đàm Thị Phượng M theo Hợp đồng thế chấp số 22/2022/EIBQ7-KHDNTSTC ngày 28/10/2022 để thu hồi nợ.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì Công ty Đ tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho E cho đến khi trả nợ xong.

Đồng thời, E yêu cầu Công ty Đ thanh toán nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26/8/2025: 302.441.974 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay khi Quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày phát sinh cho đến khi Công ty Đ trả xong nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn Công ty Đ có đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị H trình bày:

Công ty Đ xác nhận vào ngày 31/10/2022 đã ký với E Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 vay số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ đồng), thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ký khế ước nhận nợ, ngày 16/10/2023 đến ngày 16/10/2024. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, thanh toán tiền hàng.

Tài sản thế chấp là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 21, tại địa chỉ: Khu phố B, Phường H, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 528500, số vào sổ cấp GCN: CS 01484 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/01/2019 đứng tên bà Đàm Thị Phượng M theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 22/2022/EIBQ7-KHDNTSTC ngày 28/10/2022 được Phòng C tỉnh Bình Thuận chứng nhận số công chứng 4371, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/10/2022.

Đồng thời Công ty Đ có ký với E Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân với tổng hạn mức 150.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm Theo đó, E đã cấp thẻ tín dụng cho khách hàng với các thành viên Công ty đúng tên chủ thẻ, cụ thể: Thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H và thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho ông Vũ Xuân H1 (thành viên Công ty) Loại thẻ: Mastercard B. Thời hạn hiệu lực thẻ: 36 tháng

Quá trình vay do vấn đề tài chính của Công ty Đ gặp khó khăn nên chưa trả nợ cho E

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn E, Công ty Đ đồng ý số nợ gốc và nợ lãi như đại diện nguyên đơn trình bày và đồng ý trả nợ cho E nhưng đề nghị E cho thời hạn 60 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm sẽ trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2025, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị Phượng M trình bày:

Vào ngày 31/10/2022 Công ty Đ có ký vay với E số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng mục đích vay bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.

Do có mối quan hệ quen biết, thân tình nên người đại diện Công ty Đ có nhờ bà M dùng tài sản đứng tên bà M là thửa đất 209 tờ bản đồ 21 địa chỉ: Khu phố B, phường H, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB528500, số vào sổ CS01484 do sở Tài nguyên môi trường tỉnh B cấp ngày 27/01/2019 để đảm bảo khoản vay nêu trên.

Quá trình vay, Công ty Đ chưa trả nợ cho E, nay E khởi kiện Công ty Đ trả số tiền gốc và lãi tính tới ngày 25/06/2024 số tiền 3.261.745.016 đồng, Công ty Đ phải có trách nhiệm trả nợ. Bà M sẽ phối hợp với E và cơ quan có thẩm quyền để xử lý vụ việc. Bà M sống độc thân, chưa kết hôn với ai. Do bận công việc nên bà M có đơn xin giải quyết vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân H1 trình bày:

Vào ngày 20/12/2022 ông H1 có ký giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Quốc Tế với E, hạn mức sử dụng là 50 triệu. Hạn mức của của bà Nguyễn Thị H là 100 triệu đồng. Ký với tư cách là thành viên Công ty Đ. Quá trình sử dụng thẻ, ông H1 có thực hiện các giao dịch, do khó khăn về tài chính nên chưa trả nợ cho E, nay E khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả nợ vay, và nợ thẻ tín dụng ông Hòa đồng Ý nhưng do đang khó khăn về tài chính đề nghị E gia hạn cho Công ty Đ sẽ trả dứt nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thống nhất với ý kiến của ông Vũ Xuân H1.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí kinh doanh thương mại: Công ty Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Buộc Công ty Đ trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí MInh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: E nộp đơn khởi kiện đối với Công ty Đ yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện chưa đăng ký giải thể, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị Phượng M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Đương sự tham gia và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đương sự không yêu cầu mời người làm chứng, người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 16/10/2023.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 31/10/2023, E đã giải ngân và Công ty Đ đã nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số 1403LDS230000658 ngày 16/10/2023, số tiền vay: 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng), thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 16/10/2023 đến ngày 16/10/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đ chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc, lãi nào.

Bị đơn Công ty Đ xác nhận nợ số tiền gốc, tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu, cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Do đó, E yêu cầu bị đơn Công ty Đ trả nợ gốc 2.999.999.929 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cở sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi, tiền lãi trên số tiền lãi chậm trả

Căn cứ Điều 4 Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 16/10/2023 và phụ lục đính kèm, căn cứ điểm 5.1 của khế ước nhận nợ hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày ký khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trên số tiền lãi chậm trả 10%/năm.

Quá trình vay, Công ty Đ chưa trả được khoản tiền lãi nào. Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 7 Hợp đồng tín dụng và căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, E yêu cầu bị đơn Công ty Đ trả tiền lãi theo mức lãi suất đang áp dụng 10%/năm, số tiền lãi tổng cộng 556.288.404 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về thẻ tín dụng:

Căn cứ Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân ngày 20/12/2022 với tổng hạn mức 150.000.000 đồng, không có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành thẻ tín dụng doanh nhân cho các cán bộ - nhân viên của Doanh nghiệp,cụ thể như sau:

- Thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Loại thẻ: Mastercard B. Thời hạn hiệu lực thẻ: 36 tháng.

- Thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho ông Vũ Xuân H1. Loại thẻ: Mastercard B. Thời hạn hiệu lực thẻ: 36 tháng

Tại Điều 2, Điều 5 của Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân ngày 20/12/2022 quy định: Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thanh toán tổng số dư nợ trên hóa đơn thanh toán do E gửi tới hàng tháng, trong thông báo ghi rõ các giao dịch thẻ, các khoản phí, lãi, tổng số dư nợ, số tiền thanh toán tối thiểu….

Trong quá trình sử dụng thẻ, Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì vậy E yêu cầu Công ty Đ thanh toán nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26/8/2025 gồm nợ gốc, lãi, phí thanh toán trễ hạn: 302.441.974 đồng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 4 và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ theo hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 16/10/2023.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/2022/EIBQ7-KHDN/TSTC ngày 28/10/2022, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 209, tờ bản đồ số 21, phường H, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường M, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 528500, số vào sổ cấp GCN: CS 01484 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/01/2019 đứng tên Đàm Thị Phương M1.

Xét thấy, việc các bên ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật nên có giá trị đảm bảo cho việc thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đàm Thị Phượng M trình bày khoản nợ của Công ty Đ thì Công ty Đ phải có trách nhiệm trả, bà M sẽ phối hợp với nguyên đơn và các cơ quan để xử lý nhưng đến thời điểm xét xử Công ty Đ vẫn chưa thanh toán, bà M vắng mặt và không có ý kiến gì khác.

Vì vậy, nguyên đơn E yêu cầu trong trường hợp Công ty Đ không trả số tiền nợ vay và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 16/10/2023, E được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi

tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299; khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của E về việc yêu cầu Công ty Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nhận thấy, do yêu cầu khởi kiện của E được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 155, Điều 156, Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả lại cho E số tiền 15.000.000 đồng mà E đã nộp.

Như vậy đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty Đ phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 72.000.000 đồng + (2% x 1.858.730.307) = 109.174.606 đồng.

Trả lại cho E số tiền 48.617.450 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0067510 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 200, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 299, 323, 336, 342, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 4; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền 3.858.730.307 (ba tỷ tám trăm năm mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ngàn ba trăm lẻ bảy) đồng, trong đó nợ gốc 2.999.999.929 đồng, nợ lãi 556.288.404 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 31/10/2022, Khế ước nhận nợ số 1403-LDS-230000658 ngày 16/10/2023 và nợ thẻ tín dụng 302.441.974 đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân ngày 20/12/2022.

Trả làm một lần tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Ngay khi Công ty cổ phần Đ thanh toán xong nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 31/10/2022, Khế ước nhận nợ số 1403-LDS-230000658 ngày 16/10/2023 cho Ngân hàng TMCP X thì Ngân hàng TMCP X phải trả lại cho bà Đàm Thị Phượng M bản chính giấy tờ đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/2022/EIBQ7-KHDN/TSTC ngày 28/10/2022.

Trường hợp Công ty cổ phần Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng số LAV220093923/1403 ngày 31/10/2022, Khế ước nhận nợ số 1403-LDS-230000658 ngày 16/10/2023 thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 209, tờ bản đồ số 21, tại địa chỉ: khu phố B, phường H, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP528500, số vào sổ cấp GCN: CS 01484 do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/01/2019 đứng tên Đàm Thị Phượng M để thu hồi nợ.

Trong trường hợp việc phát mãi tài sản không đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP X.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi nhiều hơn nghĩa vụ thanh toán được đảm bảo thì bà Đàm Thị Phượng M được nhận lại số tiền còn dư này.

2. Buộc Công ty cổ phần Đ phải trả lại 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP X.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 109.174.606 đồng tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền 48.617.450 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0067510 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 2 - Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mai Trâm